

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày: 28/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Kiệm

- Ông Huỳnh Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Thiệu Quang Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại **Nhà văn hóa xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

- Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 03/4/1971 tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: **Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**; Số căn cước công dân: 051071008220, cấp ngày 09/7/2021; nơi cấp: Cục trưởng **Cục Q** về trật tự xã hội- **Bộ C**

Nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Huỳnh Ngọc L**, sinh năm: 1940 (đã chết) và bà **Đặng Thị L1**, sinh năm: 1943 (đã chết); vợ: **Mai Thị Mỹ L2**, sinh năm 1975; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Năm 2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tuyên phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 16/2018/HS-ST ngày 25/7/2018, bị cáo chấp hành án ở **Trại giam K- Bộ C**, đến tháng 6/2019 chấp hành xong bản án về địa phương sinh sống. Năm 2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tuyên phạt 15 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 07/2019/HS-ST ngày 22/11/2019, bị cáo chấp hành án ở **Trại giam K- Bộ C**, đến tháng 5/2021 chấp hành xong bản án về địa

phương sinh sống. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/01/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

+ Bà **Trần Thị Lệ X**, sinh năm 1971. Nơi cư trú: **Thôn P, xã Đ huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 27/12/2023, do thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo **Huỳnh Ngọc V** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo **V** đã điều khiển xe mô tô 76G1-388.63 đi lòng vòng với mục đích tìm kiếm nhà người dân nào sơ hở thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khi bị cáo **V** điều khiển xe mô tô đến ngã tư đường bê tông **thôn P, xã Đ** thì phát hiện **tiệm T** của bà **Trần Thị Lệ X** nằm ở góc Đông Bắc của ngã tư nên bị cáo **V** điều khiển xe mô tô chạy ra khu vực nghĩa địa ở hướng Bắc tiệm tạp hóa một đoạn rồi dừng xe, để xe lại đó và đi bộ đến **tiệm T**. Khi đến tiệm tạp hóa, bị cáo **V** thấy có điện sáng phía trong, phía ngoài và thấy có cửa gỗ, bị cáo **V** dùng tay kéo cửa, phát hiện cửa không khóa nên dùng tay kéo cánh cửa ra; bị cáo **V** thấy chủ tiệm đang nằm đắp mền ngủ và ở góc tiệm có camera. Thấy vậy, **V** đi ra bên hông tiệm tạp hóa để tìm vật gì cắt camera thì phát hiện có cái liềm để trên cửa sổ của tiệm. Bị cáo **V** lấy cái liềm này đi vào trong và dùng cái liềm này cắt dây điện của camera. Sau đó, bị cáo **V** đứng quan sát thì thấy một hộp nhựa màu trắng có nắp màu hồng để trên tủ lạnh gần phía đầu giường mà chủ tiệm đang nằm ngủ có tiền và card điện thoại nên bị cáo **V** đi lại lấy hộp nhựa này, rồi nhanh chóng đi ra ngoài. Bị cáo **V** cầm hộp nhựa có tiền và card điện thoại ra khu vực nghĩa địa nơi để xe ô tô thì lấy toàn bộ số tiền, card điện thoại bỏ vào túi quần, còn hủ nhựa thì ném vào bụi cây ở khu vực nghĩa địa. Khi về đến nhà, bị cáo **V** kiểm đếm được 3.000.000đồng và 78 card điện thoại các loại. Sáng ngày 28/12/2023, bị cáo **V** mang số tiền 3.000.000đồng vừa trộm cắp tới qua đi tiêu xài cá nhân hết. Đến chiều ngày 28/12/2023, bị cáo **V** được Cơ quan CSĐT Công an huyện mời làm việc và đã khai nhận hành vi trộm cắp nêu trên, tự nguyện giao nộp 78 card điện thoại cho Công an tạm giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện M** kết luận: giá trị 78 thẻ card nêu trên là 2.540.000đồng.

Tổng giá trị tài sản mà **Huỳnh Ngọc V** trộm cắp tại nhà bà **Trần Thị Lệ X** là 5.540.000 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

*** Việc thu giữ, tạm giữ, xử lý tài liệu, đồ vật liên quan trong vụ án:**

+ 01 xe mô tô 76G1-388.63: Đây là tài sản của ông **Huỳnh Ngọc S**, việc bị cáo **V** sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản vào ngày 17/12/2023 thì ông **S** không được biết nên Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã trả lại cho ông **S** theo quy định.

+ 78 card điện thoại các loại, gồm: 24 card mobifone, 14 card vinaphone và 40 card viettel; 01 nắp hộp nhựa màu hồng, KT(21x6)cm mặt trên nắp hộp nhựa có chữ nổi “HT”, nắp nhựa bị nứt bể, mặt sau có dán băng keo trong; Số tiền 3.000.000đồng do bị cáo **V** tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả: Đây là các tài sản, đồ vật của bà **X** bị mất trong vụ trộm cắp tài sản nêu trên Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại cho bà **X** theo quy định.

+ 01 hộp nhựa có nắp màu đỏ, cao 9.5cm, đường kính nắp 7.5cm: Đây hộp nhựa mà bị cáo **V** sử dụng để cất giấu số card điện thoại sau khi trộm cắp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo **V** thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại **Trần Thị Lệ X** có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-MĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức truy tố bị cáo **Huỳnh Ngọc V** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc V** từ 15 đến 18 tháng tù.

Về dân sự: Bị cáo **V** đã trả cho bà **X** số tiền 3.000.000đồng. Bà **Trần Thị Lệ X** không yêu cầu gì về dân sự, nên đề nghị không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 hộp nhựa có nắp màu đỏ, cao 9.5cm, đường kính nắp 7.5cm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo **Huỳnh Ngọc V** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài, nên vào ngày 27/12/2023, bị cáo **Huỳnh Ngọc V** đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 3.000.000 đồng và 78 card điện thoại các loại trị giá 2.540.000 đồng tại **tiệm T** của bà **Trần Thị Lệ X** ở **thôn P, xã Đ, huyện M**. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 5.540.000đ (năm triệu năm trăm bốn chục nghìn đồng).

[3] Bị cáo **Huỳnh Ngọc V** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo **Huỳnh Ngọc V** là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để tự rèn luyện bản thân, nhưng với bản tính lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Nên cần xét xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; đồng thời phải cách ly bị cáo **Huỳnh Ngọc V** ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại **Trần Thị Lệ X** có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **V**. Đây là tình tiết cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 xe mô tô 76G1-388.63: Đây là tài sản của ông **Huỳnh Ngọc S**, việc bị cáo **V** sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản vào ngày 17/12/2023 thì ông **S** không được biết nên Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã trả lại cho ông **S** là có căn cứ

[9.2] Đối với 78 card điện thoại các loại, gồm: 24 card mobifone, 14 card vinaphone và 40 card Viettel; 01 nắp hộp nhựa màu hồng, KT(21x6)cm mặt trên nắp hộp nhựa có chữ nổi “HT”, nắp nhựa bị nứt bể, mặt sau có dán băng keo trong; Số tiền 3.000.000đồng do bị cáo **V** tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả: Đây là các tài sản, đồ vật của bà **X** bị mất trong vụ trộm cắp tài sản nêu trên Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã trả lại cho bà **X** là có căn cứ

[9.2] Đối với 01 hộp nhựa có nắp màu đỏ, cao 9.5cm, đường kính nắp 7.5cm: Đây hộp nhựa mà bị cáo **V** sử dụng để cất giấu số card điện thoại sau khi trộm cắp, bị cáo đề nghị tiêu hủy nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo **Huỳnh Ngọc V** phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Ngọc V** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc V** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 28/5/2024).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy 01(một) hộp nhựa có nắp màu đỏ, cao 9.5cm, đường kính nắp 7.5cm.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa **Công an huyện M** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo **Huỳnh Ngọc V** phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS công an huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

